

Bản án số: 63/2019/DS-PT
Ngày 09 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Dương Xuân Tĩnh;
Ông Cao Đức Chiến;

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1973; cư trú tại: Thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lành Văn H1, sinh năm 1976; cư trú tại: Khu B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2018 bà Hoàng Thị B có qua nhà bà Đặng Thị H chơi, thấy hai vợ chồng bà Hoàng Thị B không có công việc ổn định nên bà Đặng Thị H bảo vợ chồng bà Hoàng Thị B mua gỗ về để mở xưởng gỗ. Vợ chồng bà Hoàng Thị B đã hỏi bà Đặng Thị H mua máy có đất không, bà Đặng Thị H bảo bà phải mua máy Ấn Độ giống nhà Đồng Hoạt ở gần nhà bà với giá

1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) thì mới làm được. Bà Đặng Thị B nói không có tiền mua bà Đặng Thị H nói chỉ cần lo 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) còn bà Đặng Thị H sẽ cho vay 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), không tính lãi, đầu vào gỗ vợ chồng bà tự lo, còn đầu ra bà Đặng Thị H sẽ tìm chỗ tiêu thụ hộ.

Chiều ngày 23-9-2018 bà Đặng Thị H gọi điện thoại cho bà bảo chuẩn bị lo tiền. Bà và chồng là ông Lành Văn H1 cũng chưa quyết định ngay có mua máy không, đến chiều 25-9-2018 bà Đặng Thị H lại tiếp tục gọi điện thoại cho bà bảo chiều nay cầu máy cho nhà Đồng Hoạt về huyện L phải lo 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để đi theo toa không ít nữa tiền gửi sau đổi ra ngoại tệ sẽ mất 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Nghe thấy thế bà đã gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là chị em chơi cùng bảo chị Nguyễn Thị V đi rút số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) cho bà mượn, sau đó bà và chị Nguyễn Thị V đã đem 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) vào xưởng gỗ của bà Đặng Thị H ở khu 7, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giao tiền mua máy cho bà Đặng Thị H. Khi thực hiện giao tiền hai bên không làm giấy tờ gì cả do tin tưởng nhau và bà Đặng Thị H bảo sẽ cho bà vay 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) nên bà có 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) không cần thiết phải làm giấy tờ gì; nhưng bà vẫn chưa được bà Đặng Thị H cho vay 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Khi đưa tiền bà Đặng Thị H nói một tháng sau mới có máy; khoảng 5 - 6 ngày sau khi đưa tiền, bà phát hiện ra toàn bộ dàn máy bóc gỗ của nhà Đồng Hoạt là máy Trung Quốc, nên nhà Đồng Hoạt không nhất trí mua nữa nên bà Đặng Thị H đã phải tự cầu máy về. Nghe tin như vậy, bà đã vào xưởng gỗ của bà Đặng Thị H để lấy lại 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và nói không mua máy nữa nhưng bà Đặng Thị H nói tiền đã chuyển đi mua rồi, bà không biết đã chuyển tiền chưa nên kiên quyết yêu cầu lấy lại số tiền nhưng bà Đặng Thị H không chịu trả.

Ngày 15-10-2018, vợ chồng bà lại vào xưởng của bà Đặng Thị H để đòi tiền, bà Đặng Thị H nói đã bán máy rồi nhưng khi bà đòi vẫn không chịu trả tiền cho bà. Khoảng một tuần sau vợ chồng bà lại tiếp tục vào xưởng gỗ để đòi tiền, bà Đặng Thị H vẫn không chịu trả và nói rằng mua máy về rồi gửi dưới cửa hàng nhà chị L1 dưới Hữu Lũng, đang vướng ở đó nếu chồng bà còn nói to thì bà Đặng Thị H sẽ cầu về nhà bà, do bà Đặng Thị H không chịu trả tiền nên vợ chồng bà phải đi về.

Khi biết không thể đòi lại bà Đặng Thị H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nên khoảng hai, ba ngày sau vợ chồng bà đi vào xưởng gỗ của bà Đặng Thị H để thông báo vợ chồng bà quyết định lấy máy về làm. Bà Đặng Thị H nói cứ đi xem ngày lấy máy, tối ngày 16-11-2018 bà gọi điện thoại cho bà Đặng Thị H ngày 18-11-2018 bà sẽ xuống lấy máy, bà Đặng Thị H nói ngày 18, 19-11-2018 đều bận, bà chuyển sang sáng ngày 20-11-2018 bà Đặng Thị H nhất trí. Đến khoảng 6 giờ sáng ngày 20-11-2018 bà Đặng Thị H gọi điện thoại cho chồng bà nói không cần phải xuống lấy máy bà Đặng Thị H sẽ lên, khoảng hơn 12 giờ trưa ngày 20-11-2018 bà Đặng Thị H đến nhà bà nói vợ chồng bà phải

chịu số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi năm triệu đồng) tiền cầu máy từ nước ngoài về và tiền thuế, bà Đặng Thị H đưa ra 04 tờ giấy, một tờ đặt cọc mua máy, một tờ hóa đơn giá trị gia tăng và 02 tờ khai hàng hóa nhập khẩu thông quan, vợ chồng bà không đồng ý vì bị tẩy xóa ở tờ đặt cọc mua máy và tờ hóa đơn thuế giá trị gia tăng, bà Đặng Thị H khi đó không nói gì đến chuyện giao máy nữa mà lại yêu cầu vợ chồng bà phải chịu tiền thuế như vậy nên vợ chồng bà không đồng ý. Sau đó, Công an huyện L thông báo cho bà biết việc bà Đặng Thị H làm đơn lên Công an, thấy bà Đặng Thị H không trả tiền, lại cố tình làm đơn lên Công an như vậy nên bà đã làm đơn tố cáo toàn bộ hành vi của bà Đặng Thị H đến Công an huyện L, tại cơ quan Công an bà Đặng Thị H thừa nhận đã nhận số tiền mua máy 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tiền của bà và ngày 25-3-2019 bà Đặng Thị H đã thanh toán trả cho bà 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) còn lại 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) hứa trong một tuần sau sẽ trả hết cho bà. Tuy nhiên, sau một tuần bà Đặng Thị H vẫn không chịu trả, từ đó đến nay bà Đặng Thị H chưa trả tiền cho bà. Nay bà Hoàng Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn buộc bà H phải trả cho bà số tiền còn lại là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) bà vay của chị Nguyễn Thị V, bà đã tự có trách nhiệm trả nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai ngày 05-7-2019, biên bản lấy lời khai ngày 29-7-2019, 26-8-2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà Hoàng Thị B đã chủ động đến tận xưởng gỗ bóc của bà tại khu A, thị trấn Đ để nhờ bà mua hộ máy bóc gỗ, nhiều lần bà Hoàng Thị B và chồng là ông Lành Văn H1 nhờ nên bà mới đồng ý và do cũng đang có nhu cầu mua thêm 01 giàn máy mới nữa nên sẽ kết hợp mua cùng với máy của bà Hoàng Thị B nhờ. Hai bên nhất trí mua giàn máy giống như của nhà bà đang hoạt động, là máy dòng Phúc Kiến, của Trung Quốc sản xuất, mua của ông A Thắng có cửa hàng ở tại thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Việc đồng ý mua bán hai bên chỉ đồng ý miệng với nhau, không lập bất kỳ giấy tờ gì, nhưng vợ chồng bà Hoàng Thị B đã xem dây chuyền hoạt động máy của bà nên bà Hoàng Thị B mới nhờ mua một bộ nguyên bản như vậy. Thời điểm thỏa thuận khoảng tháng 5 năm 2018 (âm lịch), nội dung cụ thể của thỏa thuận là bà Hoàng Thị B nhờ bà mua hộ 01 giàn máy sản xuất gỗ bóc như của nhà bà đang hoạt động (giàn máy gồm có: 01 máy bóc; 01 máy tu; 02 xe điện; 01 máy trảm), máy của nước nào bà không biết rõ, chỉ biết đặt mua ở dưới H tại Công ty Ngô Giang do ông A Thắng (là người Trung Quốc bán) ở thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Khi thỏa thuận miệng với nhau, bà chưa tổng hợp được giá nên báo với bà Hoàng Thị B khi nào bà thanh toán toàn bộ giàn máy của bà và cầu máy lên huyện L hết bao nhiêu tiền thì giàn của nhà bà Hoàng Thị B cũng sẽ có giá như vậy theo giấy tờ mua bán, bà Hoàng Thị B cũng đồng ý. Vì vợ chồng bà Hoàng Thị B khi nhờ mua hộ nhưng chưa có tiền mặt ở nhà nên đã nhờ bà cho vay tạm tiền đặt cọc 01 giàn máy và có hẹn sẽ trả tiền vào ngày 25-9-2018. Do là bạn cùng quê nên bà đồng ý bỏ tiền ra để cho bà Hoàng Thị B vay đặt cọc tiền mua 01 giàn máy bóc gỗ, số

tiền bà bỏ ra để đặt cọc mua máy cho bà Hoàng Thị B là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), ngày đặt cọc là ngày 13-9-2018 và hẹn ngày lấy máy là ngày 30-9-2018 (là ngày cả máy của nhà bà và máy của bà Hoàng Thị B cùng được chở lên Đình Lập). Hai bên không thỏa thuận về ngày nào phải giao máy, chỉ nói với nhau khi nào bà lên cùng máy thì sẽ lắp cho bà Hoàng Thị B luôn.

Bà đã làm giấy đặt cọc với ông A Thắng vào ngày 13-9-2018 số tiền là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), trên tổng số tiền phải trả là 840.000.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu đồng) để mua những máy sau: Máy bóc 02 cái lu 45 (trong đó một cái của bà và một cái của bà Hoàng Thị B); máy tu 01 cái loại răng lưỡi hổ, xe điện 01 chiếc, máy cắt gỗ 01 chiếc (mua hộ bà Hoàng Thị B). Còn nợ 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) hẹn đến ngày cầu máy sẽ trả (tức ngày 30-9-2018 sẽ phải thanh toán hết). Khi làm giấy đặt cọc bà cũng không biết máy của nước nào, đời sản xuất như thế nào, chỉ biết mua máy tại nhà A Thắng do đã từng mua máy ở đó và được dùng thực tế thấy tốt; khi người của ông A Thắng viết giấy đặt cọc cho bà đã bảo với bà máy đó là máy do Trung Quốc sản xuất, máy dòng Phúc Kiến.

Về địa điểm giao máy bà Hoàng Thị B nói đã chuẩn bị được mặt bằng cách nhà bà B khoảng 17km -18km, địa chỉ thuộc thôn K, là địa chỉ giáp ranh giữa B và L nên bà không biết thuộc huyện nào. Hai bên thỏa thuận địa điểm giao tiền là trước khi bà cầu máy lên L thì bà Hoàng Thị B phải mang tiền vào xưởng gỗ của bà để thanh toán tiền cho bà. Ngày 25-9-2018 bà Hoàng Thị B có cầm số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) vào xưởng gỗ của bà ở khu A, thị trấn Đ để gặp và thanh toán tạm thời trước cho bà, hai bên khi nhận tiền không lập bất cứ giấy tờ gì do tin tưởng nhau và đã thỏa thuận miệng với nhau nếu còn thiếu bao nhiêu thì bà Hoàng Thị B phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bà sau khi lắp máy xong, khi giao tiền bà Hoàng Thị B còn có đi cùng một người, bà chỉ biết tên là V và bà Hoàng Thị B là người trực tiếp đưa tiền tận tay cho bà số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), đến ngày 29-9-2018 (cách ngày cầu máy về một ngày) bà Hoàng Thị B do không thuê được mặt bằng nên đã một mình vào xưởng của bà để đòi lại số tiền đã đưa cho bà ngày 25-9-2018 là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Bà không đồng ý, do ngày hôm sau là ngày 30-9-2019 đã phải nhận máy, không thể thay đổi hợp đồng, nếu hủy như vậy bà sẽ phải chịu mất số tiền đặt cọc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) với nhà ông A Thắng, bà Hoàng Thị B thấy nói vậy cũng đồng ý và đi về. Đến ngày 30-9-2018 bà vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng miệng đã thỏa thuận với bà Hoàng Thị B là cầu toàn bộ 01 giàn máy đủ để mở một xưởng sản xuất chế biến gỗ bóc lên L cho bà Hoàng Thị B. Giàn máy gồm: Máy bóc 01 cái lu 45; Máy tu 01 cái, loại răng lưỡi hổ; Xe điện 01 chiếc; Máy cắt gỗ 01 chiếc. Giá tiền cụ thể của từng máy là: Máy bóc có giá 345.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi năm triệu đồng); máy tu có giá 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi năm triệu đồng); máy cắt gỗ 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng); xe điện 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng). Tổng giá trị giàn máy bà cầu lên Đình Lập cho bà Hoàng Thị B do nhớ nhầm nên trước bà đã trình bày là 543.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi ba

triệu đồng), nhưng đúng tổng số tiền mua là 544.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi tư triệu đồng). Bà đã phải thanh toán đủ cho ông A Thắng trước khi cầu máy lên L cho bà Hoàng Thị B để Công ty còn cử người theo xe lên lắp đặt. Do bà Hoàng Thị B không thuê được mặt bằng nên đã vào xưởng của bà nói cho gửi lại giàn máy trong xưởng bà, vì nhà chật, không có chỗ để máy, bà cũng nói luôn không có mặt bằng vẫn cầu ra cửa nhà bà Hoàng Thị B để, nhưng bà Hoàng Thị B xin cho để nhờ vì ngoài nhà bà còn bán hàng, vì vậy bà mới đồng ý cho để nhờ trong xưởng của bà trong thời gian bà Hoàng Thị B tìm mặt bằng khác. Bà Hoàng Thị B không thuê được mặt bằng, không tự lo được 01 hạ thế để phục vụ chạy máy vì hết nhiều tiền nên bà Hoàng Thị B đã dừng lại, nói không có mặt bằng và không đủ tiền để làm nên không làm nữa và trả lại máy, buộc bà phải trả lại số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Bà kiên quyết không đồng ý trả tiền, máy của bà Hoàng Thị B cầu về vẫn để nhờ tại xưởng nhà bà.

Đến ngày 07-11-2018 vợ chồng bà Hoàng Thị B vào bảo bà trả trước cho 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) gọi là tạm ứng vì máy để ở xưởng của bà để làm tin nhưng bà không đồng ý và bảo với bà Hoàng Thị B khi nào bán được giàn máy trên thì bà mới thanh toán tiền được. Đến ngày 12-11-2018 ông Hoàng Văn T người Lạng Sơn đến xưởng mua lại 01 máy bóc thuộc giàn máy của bà Hoàng Thị B với giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); so với giá mua máy bóc đã bị lỗ thực tế là 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi năm triệu đồng) + tiền công cầu máy lên L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/máy thì tổng là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) chứ không phải lỗ 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi năm triệu đồng) do bà nhớ nhầm. Khi bán máy bà và bà Hoàng Thị B thống nhất bán, lỗ cũng phải bán vì không có mặt bằng mà nhà bà không có nhu cầu sử dụng, việc thống nhất giữa hai bên chỉ thống nhất miệng với nhau, không làm giấy tờ gì. Đến tối ngày 12-11-2018 bà Hoàng Thị B biết bà bán giàn máy trên lỗ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) còn lại máy tu, xe điện, máy cắt gỗ hiện nay nhà bà đang phải sử dụng do không bán được, nên tối ngày 13-11-2018 bà Hoàng Thị B bảo bà nếu không trả 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) thì sẽ lấy máy về dùng, do máy đã được mua bán xong, không còn máy để đưa cho bà Hoàng Thị B nữa nên bà với bà Hoàng Thị B lại lần nữa không thỏa thuận được. Do vợ chồng bà Hoàng Thị B đơn phương hủy hợp đồng mua bán nên bà mới không thanh toán tiền như bà Hoàng Thị B yêu cầu. Bà Hoàng Thị B đã tố cáo bà lên Công an huyện L và Công an đã kết luận bà Hoàng Thị B tố cáo bà sai sự thật. Tại Công an huyện L bà đã trả cho bà Hoàng Thị B số tiền là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), trong đó có tiền của bà 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền bán máy là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), như vậy bà đã chịu lỗ 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Toàn bộ việc mua bán chỉ có bà và bà Hoàng Thị B thỏa thuận, không có ai khác, chồng bà Hoàng Thị B chỉ thỉnh thoảng đến xưởng của bà cùng bà Hoàng Thị B nên không biết cụ thể.

Với những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 284, 281, 351, 385, 388, 400, 401, 423, 427, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị B.
2. Buộc bị đơn bà Đặng Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị B số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).
3. Về án phí:

Bị đơn bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Hoàng Thị B số 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0000062 ngày 01-7-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, bà Đặng Thị H kháng cáo cho rằng bà Hoàng Thị B đã gây thiệt hại đến kinh tế của bà, Tòa cấp sơ thẩm buộc bà trả lại cho bà Hoàng Thị B số tiền 130.000.000 đồng bà không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Đặng Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về kháng cáo của người kháng cáo: Bà Đặng Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị H kháng cáo cho rằng việc phải bán máy bị lỗ 135.000.000 đồng đã có sự bàn bạc nhất trí của bà Hoàng Thị B nên bà không đồng ý trả cho bà Hoàng Thị B số tiền 130.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Hoàng Thị B, nhưng không đưa ra được tài liệu nào chứng minh, nên không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị H, xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đặng Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 11/2018/DSST, ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H thấy rằng: Khoảng tháng 6 năm 2018 bà Hoàng Thị B và bà Đặng Thị H có thỏa thuận với nhau về việc bà Đặng Thị H mua hộ bà Hoàng Thị B 01 giàn máy bóc gỗ để mở xưởng bóc gỗ. Khi thỏa thuận hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập giấy tờ, không thỏa thuận về nội dung phạt vi phạm hợp đồng, chỉ thỏa thuận mua một giàn máy bóc gỗ giống giàn máy của bà Đặng Thị H đang sản xuất. Việc thỏa thuận cả hai đều xác nhận và trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm. Do vậy, theo quy định tại Điều 119 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 hợp đồng bằng miệng đó được pháp luật thừa nhận và có hiệu lực.

[5] Bà Đặng Thị H cho rằng việc mua bán giàn máy bóc gỗ được lập thành giấy mua bán, viết tay, tổng số tiền mua máy là 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng) có chữ ký xác nhận của bà và ông A Thắng bằng chữ Trung Quốc là người bán máy, số tiền đặt cọc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Đặng Thị H yêu cầu bà Hoàng Thị B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền đặt cọc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy: Nội dung Giấy đặt cọc tiền mua máy bóc gỗ chỉ thể hiện việc bà Đặng Thị H đặt cọc mua máy, không thể hiện rõ là đặt cọc tiền mua máy cho bà Đặng Thị H hay cho người nào. Do vậy, việc bà Đặng Thị H yêu cầu bà Hoàng Thị B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền đặt cọc là không có cơ sở.

[6] Về nội dung của hợp đồng, sau khi bà Hoàng Thị B đưa cho bà Đặng Thị H số tiền 400.000.000 đồng để mua dàn máy bóc gỗ và nghe tin máy không đúng tiêu chuẩn như bà Đặng Thị H đã nói, bà Hoàng Thị B đã không đồng ý nhờ bà Đặng Thị H mua hộ giàn máy nữa và đòi lại tiền đã đưa cho bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị H không đồng ý với lý do đã đặt cọc số tiền 140.000.000 đồng để lấy máy, do bà Đặng Thị H không trả tiền nên bà Hoàng Thị B đã đồng ý lấy máy bóc gỗ về để sử dụng nhưng đến ngày hẹn lấy máy ngày 20-11-2018 bà Hoàng Thị B chưa nhận được máy. Bà Đặng Thị H cho rằng đã đem máy về giao cho bà Hoàng Thị B nhưng do bà Hoàng Thị B không nhận do không tìm được mặt bằng để mở xưởng gỗ nên đã bán với bà bán máy cho người khác, khi bán bị lỗ 130.000.000 đồng bà Hoàng Thị B cũng đồng ý nên bà Hoàng Thị B phải chịu trách nhiệm; mặc dù nêu ý kiến như vậy, nhưng bà Đặng Thị H không đưa ra được căn cứ nào chứng minh và thực tế tới nay bà Hoàng Thị B cũng chưa nhận được máy; xét thấy, khi hai bên thỏa thuận về việc mua bán máy bóc gỗ, không có thỏa thuận về phạt vi phạm. Căn cứ Điều 427 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 về hậu quả của việc hủy hợp đồng, thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đối với số tiền 400.000.000 đồng bà Hoàng Thị B đã giao cho bà Đặng Thị H, sau khi vụ việc mua bán máy không thành thì bà Đặng Thị H đã có đơn đến cơ quan Công an và cũng tại cơ quan Công an huyện Đình Lập thì bà Đặng Thị H đã trả cho bà Hoàng Thị B 270.000.000 đồng và hứa sau một tuần sẽ trả hết số tiền còn lại 130.000.000 đồng. Do vậy, Nguyên đơn bà Hoàng Thị B yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị H trả 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) là có cơ sở.

[7] Trong đơn kháng cáo bà Đặng Thị H có trình bày: Bản thân bà không nhận tiền để mua máy cho anh Đồng Hoạt tại huyện Đình lập, bà không có biên bản giao hàng hóa, hay ký kết một hợp đồng mua bán nào với anh Đồng Hoạt nên bà Hoàng Thị B kiện bà là không có căn cứ và việc bà Hoàng Thị B cho rằng bà Đặng Thị H mang chứng từ, hóa đơn đến nhà bà Hoàng Thị B là không đúng. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định phạm vi xét xử phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo. Tại Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập tới nội dung này. Đây chỉ là lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn bà Hoàng Thị B không yêu cầu giải quyết. Do vậy, nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của cấp phúc thẩm.

[8] Từ những căn cứ trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H, cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B nên bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đặng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; xác nhận bà Đặng Thị H nộp theo Biên lai số: AA/2016/0000136 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào Điều 284, 281, 351, 385, 388, 400, 401, 423, 427, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị đơn bà Đặng Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị B số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2016/0000136 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Đặng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09-11-2019)

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA.
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Xuân Sơn

